

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/DS-PT
Ngày: 06-5-2022
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Nhữn

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022, về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 75/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp X, xã Mỹ Quý T, huyện Đức H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Y, thị trấn Đông T, huyện Đức H, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2021)

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H (tên gọi khác T), sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Mỹ Quý T, huyện Đức H, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị Thu H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2021, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị B do bà Nguyễn Thị Huỳnh N là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Từ tháng 5/2020 (âm lịch) đến tháng 10/2020 (âm lịch), bà Trần Thị Thu H (tên thường gọi là T) vay của bà B tổng cộng 234.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 26/5/2020 (âm lịch), vay 30.000.000 đồng;

Ngày 29/5/2020 (âm lịch), vay 30.000.000 đồng;

Ngày 01/6/2020 (âm lịch), vay 50.000.000 đồng;

Ngày 09/6/2020 (âm lịch), vay 24.000.000 đồng;

Ngày 09/7/2020 (âm lịch), vay 10.000.000 đồng;

Ngày 16/8/2020 (âm lịch), vay 20.000.000 đồng;

Ngày 10/9/2020 (âm lịch), vay 20.000.000 đồng, cùng ngày vay thêm 10.000.000 đồng;

Ngày 15/10/2020 (âm lịch), vay 40.000.000 đồng.

Các lần vay bà H (T) có viết biên nhận nợ, thời hạn vay 10 ngày, mục đích vay để bà H đóng hụi giùm người khác.

Đến ngày 15/01/2021 (âm lịch), bà H chót nợ với bà B là 234.000.000 đồng. Bà H hẹn đến ngày 25/01/2021 (âm lịch) sẽ trả hết nợ. Tuy nhiên, bà H không thực hiện theo cam kết trả nợ.

Bà B yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả số tiền 234.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2021, quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Thị Thu H (T) trình bày:

Bà thừa nhận tên thường gọi của bà là T như người đại diện theo ủy quyền của bà B trình bày. Bà không đồng ý trả cho bà B 234.000.000 đồng, bởi vì:

Bà có vay tiền của bà B từ đầu năm 2017 đến năm nào bà không nhớ chính xác tổng cộng số tiền vay của bà B là 234.000.000 đồng. Các lần vay bà đều có viết biên nhận đưa bà B giữ, lãi suất thỏa thuận 1.000.000 đồng một ngày đóng 5.000 đồng (lãi suất vay được ghi vào biên nhận nợ), không có thời hạn vay, mục đích vay để bà đóng hụi giùm tay em của bà. Số tiền 234.000.000 đồng bà đã trả vốn và lãi hết cho bà B. Tuy nhiên, bà không nhớ thời gian, số tiền trả, mỗi lần trả bà B cũng không viết biên nhận cho bà.

Các biên nhận nợ bà B cung cấp bà đồng ý 01 biên nhận nợ ngày 26/5 và 29/5 (âm lịch), còn lại bà không đồng ý.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức H đã căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Trần Thị Thu H (T).

Buộc bà Trần Thị Thu H (T) có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị B số tiền 234.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Trần Thị Thu H có nghĩa vụ chịu 11.700.000 đồng (mười một triệu, bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Bà Trần Thị B không phải chịu án phí. Trả lại cho bà B 5.850.000 đồng (năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0005036 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức H). Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 07/3/2022, bị đơn bà Trần Thị Thu H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm cho rằng đã trả toàn bộ nợ cho bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị Thu H trình bày nội dung kháng cáo: Bà có vay của bà B nhiều lần với tổng số tiền vay là 234.000.000 đồng. Bà đã lãi và gốc cho bà B, nhưng khi trả tiền bà B không làm biên nhận cho bà, bà B hứa xé bỏ giấy nợ nhưng bà B không thực hiện. Nay bà B tiếp tục lấy giấy nợ để kiện bà, do nợ đã trả nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B. Giấy gút nợ số tiền 234.000.000 đồng do bà B tự ghi không phải chữ viết của bà nên bà yêu cầu giám định.

Nguyên đơn bà Trần Thị B do bà Nguyễn Thị Huỳnh N đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà B có cho bà H mượn 234.000.000 đồng đến nay chưa trả, mỗi lần mượn tiền bà H có ghi vào sổ của bà B. Riêng tờ giấy chót nợ 234.000.000 đồng là do bà B tự ghi để nhớ. Bà H cũng đã thừa nhận có nợ bà B số tiền 234.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bà B khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 234.000.000 đồng. Bà H thừa nhận có vay tiền của bà B nhiều lần, mỗi lần mượn tiền bà ghi giấy nợ cho bà B, tổng tiền bà vay là 234.000.000 đồng. Bà H cho rằng đã trả toàn bộ nợ cho bà B. Tờ giấy chốt nợ số tiền 234.000.000 đồng do bà B tự ghi nên bà yêu cầu giám định chữ viết. Thấy rằng, giữa bà B và bà H thống nhất bà H có mượn của bà B số tiền 234.000.000 đồng. Đây là những tình tiết không cần phải chứng minh. Bà B thừa nhận tờ chốt nợ do bà ghi nên bà H yêu cầu giám định là không cần thiết. Bà H cho rằng đã trả nợ cho bà B nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu H được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Phạm vi xét xử phúc thẩm:

Bà Trần Thị Thu H kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B vì cho rằng bà đã trả toàn bộ khoản nợ cho bà B. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi liên quan đến nội dung kháng cáo của đương sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu H, thấy rằng:

[3.1] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị B cho rằng từ ngày 29/5/2020 đến ngày 15/10/2020 (âm lịch) bà có cho bà Trần Thị Thu H vay nhiều lần với tổng số tiền 234.000.000 đồng, khi vay bà H có làm giấy nợ cho bà, mục đích vay để bà H đóng hội giùm người khác. Đến ngày 15/01/2021 (âm lịch), bà H chốt nợ với bà B là 234.000.000 đồng. Bà H hẹn đến ngày 25/01/2021 (âm lịch) sẽ trả hết nợ. Tuy nhiên, bà H không thực hiện theo cam kết trả nợ nên bà yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Thu H trình bày, bà B là cô ruột của bà, do cần tiền choàng hội cho hội viên nên có mượn của bà B nhiều lần, các lần mượn bà đều có ghi giấy nợ cho bà B, tổng số tiền nợ là 234.000.000 đồng, bà đã trả toàn tiền gốc và tiền lãi cho bà B, nhưng khi trả tiền do tin tưởng nên bà không yêu cầu bà B viết biên nhận và không yêu cầu trả lại giấy nợ cho bà, bà B có hứa sẽ tự xé bỏ giấy nợ.

Nay bà B tiếp tục lấy giấy nợ khởi kiện bà tiếp tục trả nợ nên bà không đồng ý. Riêng tờ giấy chót nợ do bà B tự ghi nên bà yêu cầu giám định chữ viết.

Như vậy, bà B và bà H trình bày thống nhất bà H có vay của bà B số tiền 234.000.000 đồng. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất về nghĩa vụ trả nợ. Bà B cho rằng bà H chưa trả nợ cho bà B. Trong khi đó, bà H xác định bà đã trả gốc và lãi đầy đủ cho bà B và có yêu cầu giám định chữ viết trong các giấy nợ.

[3.2] Đánh giá chứng cứ:

Xét thấy, bà H thừa nhận có nợ đúng số tiền nguyên đơn yêu cầu là 234.000.000 đồng. Bà H cho rằng đã trả hết nợ gốc và lãi cho bà B nhưng bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh và cũng không được bà B thừa nhận nên lời trình bày này của bà H là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của bà H. Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

[3.3] Về yêu cầu giám định chữ viết: Tại cấp phúc thẩm, bà H yêu cầu giám định chữ viết trong giấy chót nợ. Tuy nhiên, thấy rằng, chính bà B đã tự thừa nhận tờ chót nợ do bà B tự ghi, mục đích để nhớ số nợ của bà H còn thiếu. Bà H đã tự thừa nhận còn thiếu tiền bà B 234.000.000 đồng nên việc yêu cầu giám định tờ chót nợ là không cần thiết vì không thể chứng minh được bà H đã trả nợ cho bà B thông qua giấy chót nợ này. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị trưng cầu giám định của bà H.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các khoản khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu H.

Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức H.

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Trần Thị Thu H (T).

Buộc bà Trần Thị Thu H (T) có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị B số tiền 234.000.000 đồng (hai trăm ba mươi bốn triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị Thu H (T) có nghĩa vụ chịu 11.700.000 đồng (mười một triệu, bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Bà Trần Thị B không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà B 5.850.000 đồng (năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005036 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức H.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Trần Thị Thu H (T) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005131 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức H.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm Phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Cẩm Hồng

Đặng Văn Nhữ

Huỳnh Thị Hồng Vân